

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1185 /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày 03 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Gia Bình, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh” tại xã Đông Cứu, xã Lãng Ngâm và xã Đại Bái, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Tổng cục Môi trường sau khi lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, chuyên gia về việc thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Gia Bình, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh” tại xã Đông Cứu, xã Lãng Ngâm và xã Đại Bái, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Gia Bình, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh” đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số

08/2022/CV-BN ngày 22 tháng 04 năm 2022 của Công ty TNHH MTV đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Bắc Ninh;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Gia Bình, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH MTV đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Bắc Ninh (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Đông Cứu, xã Lãng Ngâm và xã Đại Bái, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Quyết định này thay thế Quyết định số 3020/QĐ-BTNMT ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

kh

Nơi nhận:

- Công ty TNHH MTV đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Bắc Ninh;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- UBND tỉnh Bắc Ninh;
- Sở TN&MT tỉnh Bắc Ninh;
- Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh;
- Lưu: VT, VPMC, TCMT. Ch.



Võ Tuấn Nhân

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
“ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU
CÔNG NGHIỆP GIA BÌNH, HUYỆN GIA BÌNH, TỈNH BẮC NINH”
(Kèm theo Quyết định số **1185** /QĐ-BTNMT ngày **03** tháng **6** năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

1. Thông tin về Dự án:

- Tên dự án: “Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Gia Bình, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh”.
- Địa điểm thực hiện: Xã Đông Cứu, xã Lãng Ngâm và xã Đại Bái, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh.
- Diện tích sử dụng đất: 306,69 ha.
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Bắc Ninh.
- Địa chỉ liên hệ: Số 427 đường Nguyễn Văn Cừ, thị trấn Gia Bình, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh.

1.1. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

1.1.1. Các hạng mục đã được phê duyệt theo báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Gia Bình” đã được phê duyệt tại Quyết định số 3020/QĐ-BTNMT ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài Nguyên và Môi trường bao gồm:

- Quy hoạch sử dụng đất: Tổng diện tích Dự án là 306,69 ha (trong đó có 9,71 ha đất hiện trạng của Công ty cổ phần Vinfa), cơ cấu sử dụng đất như sau:
 - + Đất trung tâm điều hành và thương mại dịch vụ 34,95ha
 - + Đất công nghiệp 183,83 ha.
 - + Đất cây xanh, mặt nước 32,93 ha.
 - + Đất hạ tầng kỹ thuật 7,65 ha.
 - + Đất giao thông 47,33 ha.
- Các hạng mục công trình của Dự án:
 - + San lấp mặt bằng.
 - + Hệ thống đường giao thông.
 - + Hệ thống cấp điện, thông tin liên lạc, cây xanh.
 - + Trung tâm điều hành khu công nghiệp.

- + Hệ thống phân phối nước cấp.
- + Hệ thống thu gom và thoát nước thải.
- + Hệ thống xử lý nước thải tập trung gồm 04 mô đun có tổng công suất 10.000 m³/ngày.đêm; hệ thống hồ ứng phó sự cố tổng dung tích 30.000 m³.
- Các ngành nghề đăng ký thu hút đầu tư:

| STT | Nhóm ngành nghề | Mã ngành nghề | Ngành nghề |
|-----|--|---------------|---|
| 1 | Nhóm ngành công nghiệp lắp ráp điện tử, thiết bị điện | 26 | Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học |
| | | 27 | Sản xuất thiết bị điện |
| 2 | Nhóm ngành cơ khí | 24 | Sản xuất kim loại |
| | | 25 | Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) không bao gồm công đoạn xi mạ |
| | | 28 | Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu |
| | | 29 | Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác |
| | | 30 | Sản xuất phương tiện vận tải khác |
| 3 | Nhóm ngành công nghiệp may mặc không bao gồm công đoạn nhuộm, thuộc da | 13 | Dệt may (không nhuộm) |
| | | 14 | Sản xuất trang phục |
| | | 15 | Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan |
| 4 | Nhóm ngành công nghiệp nhẹ không gây ô nhiễm, độc hại khác | 10 | Sản xuất, chế biến thực phẩm, thức ăn chăn nuôi |
| | | 11 | Sản xuất đồ uống |

| | | |
|--|-------|--|
| | 16 | Sản xuất, chế biến gỗ, sản xuất chế biến sản phẩm từ gỗ và tre nứa |
| | 21 | Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu |
| | 22 | Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic |
| | 31 | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế |
| | 521 | Kho bãi, lưu giữ hàng hóa |
| | 17021 | Sản xuất bao bì bằng giấy, bìa |
| | 1811 | In ấn |
| | 20231 | Sản xuất mỹ phẩm |
| | | Vật liệu trang trí nội ngoại thất, đồ dùng học |

1.1.2. Các hạng mục thay đổi, điều chỉnh, bổ sung:

- Điều chỉnh đất trung tâm điều hành và thương mại dịch vụ diện tích 34,95 ha thành đất công trình hành chính dịch vụ diện tích 30,44 ha.

- Điều chỉnh cơ cấu sử dụng đất công nghiệp diện tích 183,83 ha thành đất nhà máy, kho tàng diện tích 183,79 ha.

- Điều chỉnh diện tích đất cây xanh mặt nước tăng từ 32,93 ha lên 44,79 ha.

- Điều chỉnh cơ cấu sử dụng đất hạ tầng kỹ thuật diện tích 7,65 ha thành đất các khu kỹ thuật diện tích 7,65 ha.

- Điều chỉnh đất giao thông diện tích 47,33 ha thành đất giao thông - bãi đỗ xe diện tích 40,02 ha.

- Điều chỉnh giảm công suất trạm xử lý nước thải tập trung từ 10.000 m³/ngày.đêm thiết kế 04 mô đun xuống 8.000 m³/ngày.đêm thiết kế 03 mô đun.

- Điều chỉnh dung tích hồ sự cố từ 30.000 m³ giảm xuống 24.000 m³.

- Điều chỉnh nguồn tiếp nhận nước thải sau xử lý xả vào kênh N1 sau đó qua trạm bơm Cầu Sỏi dẫn ra sông Đông Côi - Đại Quảng Bình thành nước thải sau

xử lý xả vào kênh N1 sau đó chảy qua quốc lộ 17 bằng cống thoát và chảy ra sông Ngụ.

- Bổ sung xây dựng nhà máy cấp nước sạch công suất 12.600 m³/ngày.đêm.

1.1.3. Các hạng mục được phê duyệt tại Quyết định này gồm:

- Quy hoạch sử dụng đất: Tổng diện tích sử dụng đất 306,69 ha, cơ cấu sử dụng đất như sau:

+ Đất xây dựng khu hành chính, dịch vụ 30,44 ha.

+ Đất xây dựng nhà máy, kho tàng 183,79 ha (trong đó có 9,71 ha đất hiện trạng của Công ty cổ phần Vinfa).

+ Đất cây xanh mặt nước 44,79 ha.

+ Đất hạ tầng kỹ thuật 7,65 ha.

+ Đất giao thông - bãi đỗ xe 40,02 ha.

- Các hạng mục công trình chính của Dự án: Đào đắp, san nền; hệ thống đường giao thông nội bộ; hệ thống điện chiếu sáng và thông tin liên lạc; khu trung tâm điều hành và thương mại dịch vụ; hệ thống cây xanh cảnh quan; trường dạy nghề; nhà máy cấp nước sạch công suất 12.600 m³/ngày.đêm; hệ thống cấp nước sạch và phòng cháy chữa cháy.

- Các công trình, hạng mục chính bảo vệ môi trường: Hệ thống thu gom, thoát nước mưa; hệ thống thu gom nước thải và 01 trạm xử lý nước thải tập trung có công suất 8.000 m³/ngày.đêm (gồm 03 mô đun, trong đó 01 mô đun công suất 2.000 m³/ngày.đêm và 02 mô đun công suất 3.000 m³/ngày.đêm).

- Hồ sự cố tổng dung tích là 24.000 m³ gồm 03 hồ: 01 hồ sự cố có dung tích 6.000 m³; 02 hồ sự cố có dung tích 9.000 m³ được xây dựng tương ứng với việc phân kỳ đầu tư xây dựng mô đun của trạm xử lý nước thải tập trung.

- Hệ thống quan trắc tự động nước thải đặt tại đầu kênh dẫn nước thải ra cửa xả sau trạm xử lý nước thải tập trung.

- Các ngành nghề đăng ký thu hút đầu tư:

| STT | Nhóm ngành nghề | Mã ngành nghề | Ngành nghề |
|-----|---|---------------|--|
| 1 | Nhóm ngành công nghiệp lắp ráp điện tử, thiết bị điện | 26 | Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học |
| | | 27 | Sản xuất thiết bị điện |

| | | | |
|---|--|-------|---|
| 2 | Nhóm ngành cơ khí | 24 | Sản xuất kim loại |
| | | 25 | Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) không bao gồm công đoạn xi mạ |
| | | 28 | Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu |
| | | 29 | Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác |
| | | 30 | Sản xuất phương tiện vận tải khác |
| 3 | Nhóm ngành công nghiệp may mặc không bao gồm công đoạn nhuộm, thuộc da | 13 | Dệt may (không nhuộm) |
| | | 14 | Sản xuất trang phục |
| | | 15 | Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan |
| 4 | Nhóm ngành công nghiệp nhẹ không gây ô nhiễm, độc hại khác | 10 | Sản xuất, chế biến thực phẩm, thức ăn chăn nuôi |
| | | 11 | Sản xuất đồ uống |
| | | 16 | Sản xuất, chế biến gỗ, sản xuất chế biến sản phẩm từ gỗ và tre nứa |
| | | 21 | Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu |
| | | 22 | Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic |
| | | 31 | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế |
| | | 521 | Kho bãi, lưu giữ hàng hóa |
| | | 17021 | Sản xuất bao bì bằng giấy, bìa |

| | | | |
|--|--|-------|--|
| | | 1811 | In ấn |
| | | 20231 | Sản xuất mỹ phẩm |
| | | | Vật liệu trang trí nội ngoại thất, đồ dùng học |

1.1.4. Các hạng mục không thuộc phạm vi Dự án: Phạm vi Dự án không bao gồm hoạt động khai thác nước mặt, nước ngầm, khai thác vật liệu xây dựng phục vụ san nền.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

- Nước mưa chảy tràn trong khu vực thực hiện Dự án.
- Nước thải sinh hoạt của công nhân và nước thải xây dựng trong giai đoạn xây dựng; nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu điều hành dịch vụ, hạ tầng kỹ thuật; nước thải từ hoạt động của các nhà máy thứ cấp trong khu công nghiệp.
- Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình xây dựng và hoạt động của Dự án.
- Chất thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình xây dựng, hoạt động của Dự án.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

2.2.1. Trong giai đoạn xây dựng:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 8 m³/ngày.đêm; thành phần ô nhiễm chính là: TSS, BOD, COD, tổng nitơ (N), tổng photpho (P), coliform...
- Nước thải từ quá trình thi công xây dựng khoảng 5 m³/ngày.đêm, nước rửa xe ra vào công trường 8,65 m³/ngày.đêm; thành phần ô nhiễm chính là: TSS, dầu mỡ khoáng,...
- Nước mưa chảy tràn trên toàn bộ diện tích khu công nghiệp chủ yếu là chất rắn lơ lửng (TSS).

2.2.2. Trong giai đoạn vận hành thử nghiệm và vận hành chính thức:

Nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp phát sinh khoảng 7987,21 m³/ngày.đêm; thành phần ô nhiễm chính: TSS, BOD, COD, Nitơ (N), Photpho (P), Coliform, kim loại nặng,...

2.3. Quy mô, tính chất của khí thải:

2.3.1. Trong giai đoạn xây dựng:

Hoạt động thi công các hạng mục, công trình hạ tầng kỹ thuật và hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu phát sinh bụi, khí thải với thành phần chủ yếu gồm:

SO₂, NO_x, CO, hợp chất hydrocacbon.

2.3.2. Trong giai đoạn vận hành thử nghiệm và vận hành chính thức:

Hoạt động của các nhà máy thứ cấp và hoạt động của các hạng mục hạ tầng kỹ thuật phát sinh bụi, khí thải với các thành phần gồm: SO₂, NO_x, CO, hợp chất hydrocacbon và các thành phần khí thải hữu cơ, vô cơ khác (tùy thuộc vào ngành nghề của các nhà máy thứ cấp).

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường, bùn thải:

2.4.1. Trong giai đoạn xây dựng:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 50 kg/ngày; thành phần: thực phẩm dư thừa, rau, củ quả, bao nylon, vỏ hộp....

- Chất thải rắn trong quá trình giải phóng mặt bằng: chất thải phát sinh từ quá trình phá dỡ nhà cửa 45 tấn; chất thải phát sinh từ quá trình di dời mộ khoảng 150 m³, thành phần chủ yếu là gỗ, đất, đá...; chất thải từ quá trình phát quang thảm thực vật 63,49 tấn, thành phần chủ yếu là thân, rễ, lá cây.

- Chất thải rắn từ quá trình san nền: đất nạo vét khối lượng khoảng 584.614 m³; đất phát sinh từ quá trình đào nền, xây dựng các hạng mục công trình khối lượng khoảng 33.980 m³.

- Chất thải rắn xây dựng khoảng 4,3 tấn/ngày, thành phần gồm xi măng, gạch, cát rơi vãi....

2.4.2. Trong giai đoạn vận hành thử nghiệm và vận hành chính thức:

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động sản xuất của các nhà máy thứ cấp gồm các thành phần giấy, bìa, kim loại,... với khối lượng khoảng 137 tấn/ngày.đêm; chất thải sinh hoạt từ công nhân lao động trong nhà máy thứ cấp gồm các thành phần thực phẩm dư thừa, rau, củ quả, bao nylon, vỏ hộp... khối lượng phát sinh khoảng 4,8 tấn/ngày.đêm.

- Chất thải rắn từ hoạt động hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp: Chất thải rắn sinh hoạt gồm các thành phần: Thực phẩm dư thừa, rau, củ quả, bao nylon, vỏ hộp... khối lượng phát sinh khoảng 7,5 kg/ngày.đêm; bùn thải từ trạm xử lý nước thải tập trung khoảng 6 tấn/ngày.đêm.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

2.5.1. Trong giai đoạn xây dựng:

Chất thải nguy hại phát sinh gồm giẻ lau dính dầu mỡ, dầu thải, bóng đèn huỳnh quang, hộp, thùng kim loại đựng hóa chất (son, dầu) đã qua sử dụng, que hàn... khối lượng phát sinh dự kiến: 36,95 kg/tháng.

2.5.2. Trong giai đoạn vận hành thử nghiệm và vận hành chính thức:

- Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động hạ tầng của Khu công nghiệp gồm pin, mực in thải, bóng đèn thải,... khối lượng ước tính khoảng 50 kg/tháng.

- Chất thải nguy hại từ nhà máy thứ cấp gồm: giẻ lau dính dầu, bóng đèn huỳnh quang thải, bao bì cứng, mềm dính chất thải nguy hại, dầu thải, pin, ắc quy thải,... khối lượng phát sinh dự kiến 6,85 tấn/ngày.đêm.

2.6. Các tác động môi trường từ tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

- Tiếng ồn, độ rung từ máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động thi công xây dựng, vận hành Dự án.

- Tiếng ồn do hoạt động của các phương tiện giao thông, tiếng ồn phát sinh trong quá trình vận hành của khu công nghiệp, tiếng ồn do hoạt động sản xuất của các máy móc, thiết bị,....

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

3.1. Công trình xử lý nước mưa chảy tràn:

3.1.1. Trong giai đoạn xây dựng:

Đào hệ thống mương, rãnh có các hố lắng để thu gom, thoát nước xung quanh khu vực thi công và tự chảy ra hệ thống kênh mương hiện trạng.

3.1.2. Trong giai đoạn vận hành thử nghiệm và vận hành chính thức:

- Toàn bộ lượng nước mưa chảy tràn được thu gom vào hệ thống thu gom, hố ga trên trục đường chính, dẫn ra mương thoát nước mưa bằng các cống tròn bê tông cốt thép.

- Toàn bộ nước mưa thu gom được chảy vào hệ thống kênh hở thoát nước mưa bao quanh Dự án sau đó xả vào kênh tiêu N1, kênh dọc quốc lộ 17 chảy qua quốc lộ 17 và chảy vào sông Ngụ, với sơ đồ như sau:

- Nước mưa → song chắn rác → cửa thu nước → hệ thống cống thu gom nước mưa → hố ga lắng cát → hệ thống kênh hở thoát nước mưa bao quanh Dự án → kênh N1, kênh dọc quốc lộ 17 → cống qua quốc lộ 17 → sông Ngụ.

3.2. Công trình xử lý nước thải:

3.2.1. Trong giai đoạn xây dựng:

- Bố trí các nhà vệ sinh di động tại công trường; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý định kỳ theo thực tế phát sinh theo đúng quy định.

- Bố trí hố ga lắng cặn tại các khu vực phát sinh nước thải xây dựng, nước thải xịt rửa bánh xe để lắng cặn và lọc dầu mỡ trước khi xả ra môi trường.

3.2.2. Trong giai đoạn vận hành thử nghiệm và vận hành chính thức:

- Mạng lưới thu gom nước thải tách riêng với hệ thống thoát nước mưa; hệ

thống thu gom nước thải bằng hệ thống cống tròn BTCT bố trí dọc theo các tuyến đường trong khu công nghiệp dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung bằng phương án tự chảy kết hợp với trạm bơm chuyển bậc nước thải.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động điều hành quản lý Khu công nghiệp được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại; nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất phát sinh từ các nhà máy thứ cấp trong Khu công nghiệp được xử lý sơ bộ đạt quy định trước khi chảy về trạm xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp để xử lý.

- Hệ thống xử lý nước thải có tổng công suất 8.000 m³/ngày.đêm (gồm 03 mô đun, 01 mô đun công suất 2.000 m³/ngày.đêm và 02 mô đun công suất 3.000 m³/ngày.đêm được đầu tư tương ứng với tình hình thực tế thu hút nhà máy thứ cấp vào khu công nghiệp).

- Quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải: Nước thải đầu vào → Song chắn rác → Bể gom → Bể tách cát, bể tách mỡ → Bể điều hòa → Bể điều chỉnh pH → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Bể kiểm chứng → Mương quan trắc → cửa xả ra kênh N1 → cống qua QL17 → sông Ngụ.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt, sản xuất phát sinh trong quá trình vận hành Dự án, nước thải sau xử lý đạt Quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT cột A, $K_f = 0,9$; $K_q = 0,9$ - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

3.3. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:

3.3.1. Trong giai đoạn xây dựng:

- Lựa chọn máy móc, thiết bị có đủ điều kiện, che chắn thùng xe khi vận chuyển, bơm tưới nước các tuyến đường trong quá trình triển khai xây dựng.

3.3.2. Trong giai đoạn vận hành thử nghiệm và vận hành chính thức:

Trồng cây xanh cách ly và cây xanh trên các tuyến đường để giảm thiểu bụi, khí thải cho toàn khu công nghiệp; các nhà máy thành viên trong khu công nghiệp phải xử lý bụi và khí thải đạt các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường theo nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc hồ sơ môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt riêng cho từng dự án.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

3.4.1. Trong giai đoạn xây dựng:

- Bùn bóc tách hữu cơ được tận dụng đắp đất trồng cây xanh; đất phát sinh từ quá trình đào - đắp được tận dụng quá trình san lấp, chất thải rắn xây dựng được thu gom dùng cho việc san lấp đối với loại chất thải đủ điều kiện san lấp,

các loại còn lại được tập kết và thuê đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý theo quy định hiện hành.

- Chất thải xây dựng thông thường khác được lưu giữ tạm tại kho chứa diện tích 20m².

- Chất thải sinh hoạt của công nhân trên công trường: bố trí các thùng rác composit lưu giữ tạm thời, định kỳ thuê đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý.

3.4.2. Trong giai đoạn vận hành thử nghiệm và vận hành chính thức:

- Các nhà máy thứ cấp chịu trách nhiệm thu gom, phân loại, lưu trữ toàn bộ các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp phát sinh từ hoạt động của mình theo đúng quy định.

- Bố trí các thùng chứa rác sinh hoạt tại khu điều hành dịch vụ, hạ tầng kỹ thuật trong khu công nghiệp, thu gom, phân loại lưu giữ trong các thùng chứa tạm và chuyển giao định kỳ cho đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Bố trí kho chứa 5 m² chứa chất thải công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động hạ tầng khu công nghiệp, định kỳ thuê đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Bùn thải phát sinh được thu gom đưa về nhà ép bùn, tại đây bùn được ép bằng máy ép bùn, sau đó chuyển qua sân phơi bùn sau đó đóng bao, lưu kho. Nhà ép bùn được xây dựng 02 nhà, có tổng diện tích 672 m² (chủ Dự án đầu tư tương ứng với phân kỳ đầu tư của trạm xử lý nước thải), bùn thải được kiểm tra ngưỡng nguy hại để có phương án thu gom và xử lý theo đúng thực tế chất lượng bùn phát sinh. Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, lưu giữ, xử lý toàn bộ chất thải rắn phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án, bảo đảm các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định hiện hành khác có liên quan.

3.5. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

3.5.1. Trong giai đoạn xây dựng:

- Chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn xây dựng được thu gom, phân loại lưu giữ tạm tại kho chứa chất thải nguy hại diện tích 15 m². Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo nhu cầu phát sinh thực tế.

3.5.2. Trong giai đoạn vận hành thử nghiệm và vận hành chính thức:

- Các nhà máy thứ cấp tự chịu trách nhiệm thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định;

- Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động hạ tầng của khu công nghiệp được thu gom đưa về kho chứa chất thải nguy hại có diện tích khoảng 15 m² và chuyển giao cho đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, lưu giữ, xử lý toàn bộ chất thải rắn phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án, bảo đảm các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định hiện hành khác có liên quan.

3.6. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

- Các dự án thứ cấp trong Khu công nghiệp phải áp dụng các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường theo nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc hồ sơ môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt riêng cho từng dự án.

- Đảm bảo diện tích trồng cây xanh, thảm cỏ xung quanh để giảm thiểu bụi, tiếng ồn phát sinh từ hoạt động sản xuất.

- Đấu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công và vận hành Dự án.

3.7. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý bụi và khí thải: các nhà máy thành viên trong khu công nghiệp phải áp dụng các phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý khí thải theo nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc hồ sơ môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt riêng cho từng dự án.

- Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải:

+ Lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục nước thải sau xử lý trước khi xả ra môi trường: các thông số lưu lượng nước thải (đầu vào và đầu ra), nhiệt độ, pH, TSS, COD, Amoni. Có camera theo dõi truyền số liệu trực tiếp đến Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh theo đúng quy định. Các thiết bị quan trắc tự động phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo đúng quy định của pháp luật hiện hành về khoa học và công nghệ, tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng.

+ Xây dựng và vận hành hồ sự cố với tổng dung tích chứa 24.000 m³ đảm bảo tiêu chuẩn (có lót đáy) để chứa nước thải tối đa 03 ngày trong trường hợp trạm xử lý nước thải tập trung gặp sự cố. Khi trạm xử lý nước thải gặp sự cố, phải tạm ngừng hoạt động không được xả nước thải chưa đạt quy chuẩn ra môi trường tiếp nhận, sau khi trạm xử lý nước thải đã khắc phục sự cố, nước thải từ hồ sự cố được bơm trở về trạm xử lý nước thải tập trung để xử lý đạt quy chuẩn quy định trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

+ Có kế hoạch và sổ theo dõi kiểm tra quá trình bảo dưỡng máy móc, thiết bị; lập sổ ghi chép nhật ký vận hành; trong trường hợp xảy ra sự cố thì dừng hoạt động để tiến hành để khắc phục sự cố.

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu chứa chất thải rắn, chất thải nguy hại: khu lưu giữ chất thải được phân chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau với khoảng cách phù hợp để hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải dẫn đến xảy ra sự cố cháy nổ và sự cố rò rỉ; các khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo theo quy định.

- Công tác phòng cháy và chữa cháy: lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của từng nhà máy, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án phòng cháy, chữa cháy được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:

- Một (01) hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn.

- Một (01) hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung, tổng công suất 8.000 m³/ngày.đêm (gồm 03 mô đun, 01 mô đun công suất 2.000 m³/ngày.đêm và 02 mô đun công suất 3.000 m³/ngày.đêm được đầu tư tương ứng với tình hình thực tế thu hút nhà máy thứ cấp vào khu công nghiệp).

- Ba (03) hồ sự cố có tổng dung tích 24.000 m³ (01 hồ sự cố dung tích 6.000 m³; 02 hồ sự cố dung tích 9.000 m³ m³ sẽ được xây dựng tương ứng với việc phân kỳ đầu tư xây dựng mô đun của trạm xử lý nước thải tập trung).

- Một (01) kho chứa chất thải thông thường có diện tích: 5 m².

- Một (01) kho chứa chất thải nguy hại có diện tích: 15 m².

- Hai (02) nhà ép bùn, phơi bùn và chứa bùn thải có tổng diện tích: 672 m² và được đầu tư tương ứng với phân kỳ đầu tư của trạm xử lý nước thải.

5. Chương trình giám sát môi trường của Dự án:

5.1. Giai đoạn xây dựng:

- Chương trình giám sát chất thải:

+ Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định hiện hành khác có liên quan..

+ Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Chương trình giám sát nước thải xây dựng:

+ Tần suất giám sát: 3 tháng/lần

+ Vị trí giám sát: Tại vị trí xả ra nguồn tiếp nhận.

+ Thông số giám sát: chất rắn lơ lửng (SS), pH, BOD, COD, TSS, Amoni, tổng ni tơ (N), tổng photpho (P), dầu mỡ khoáng.

+ Quy chuẩn áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT: cột B, $K_q = 0,9$, $K_p = 1,2$ - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp.

- Chương trình giám sát không khí xung quanh:

+ Vị trí giám sát:

++ Khu vực gần khu dân cư theo hướng gió Tây Bắc (cách ranh giới Dự án 50 m).

++ Khu vực gần khu dân cư theo hướng gió Đông Nam.

++ Khu vực cổng ra vào công trường.

+ Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.

+ Thông số giám sát: CO, SO₂, NO₂, TSP, tiếng ồn, độ rung, tốc độ gió, độ ẩm, nhiệt độ.

+ Quy chuẩn giám sát: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn, quy định hiện hành khác có liên quan.

5.2. Giai đoạn vận hành thử nghiệm:

Thực hiện giám sát bụi, khí thải; nước thải; chất thải phát sinh trong quá trình vận hành thử nghiệm các công trình bảo vệ môi trường của Dự án theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các quy định hiện hành khác có liên quan.

5.3. Giai đoạn vận hành:

- Giám sát nước thải:

+ Giám sát nước thải tự động, liên tục:

++ Vị trí giám sát: Tại mương quan trắc.

++ Thông số giám sát: lưu lượng (đầu vào và đầu ra), nhiệt độ, pH, TSS, COD, Amoni.

++ Tần suất giám sát: Liên tục 24h/24h.

++ Quy chuẩn áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT cột A, $K_f = 0,9$; $K_q = 0,9$ - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

+ Giám sát định kỳ nước thải:

++ Vị trí giám sát: 01 điểm trước khi đầu nối xả thải vào nguồn tiếp nhận.

++ Thông số giám sát: Màu, BOD₅, Asen, Hg, Pb, Cd, Cr (VI), Cr (III), Cu, Zn, Ni, Mn, Fe, CN⁻, Phenol, Tổng dầu mỡ, Sunfua, Florua, Tổng N, Tổng P, Clorua, Coliform.

++ Quy chuẩn áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT cột A, $K_f = 0,9$; $K_q = 0,9$ - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

++ Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Chương trình giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại, bùn thải:

+ Giám sát bùn thải:

++ Vị trí giám sát: Một vị trí tại hệ thống ép bùn.

++ Thông số giám sát: Asen, Bari, Bạc, Cadimi, chì, coban, Kẽm, Niken, Selen, Thủy ngân, Crom VI, Tổng Xyanua, Tổng Dầu, Phenol, Benzen.

++ Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.

++ Quy chuẩn áp dụng: QCVN 50:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước.

+ Giám sát chất thải rắn:

++ Tần suất giám sát: Thường xuyên.

++ Vị trí giám sát: Hai vị trí tại khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường; khu vực chứa chất thải nguy hại.

++ Thông số giám sát: Khối lượng, thành phần và hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.

++ Quy định áp dụng: Theo quy định Luật Bảo vệ môi trường và các quy định hiện hành có liên quan.

5.4. Giám sát khác:

- Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (chất thải rắn, tiếng ồn, độ rung, nhiệt độ...) theo các quy định, quy chuẩn hiện hành có liên quan.

6. Các điều kiện liên quan đến môi trường:

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

- Thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Tuân thủ Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

- Đảm bảo quy mô, diện tích bố trí các hạng mục công trình phù hợp, đáp ứng các điều kiện an toàn môi trường theo quy định hiện hành; chỉ được phép thu hút đầu tư các ngành nghề có công nghệ sản xuất hiện đại, thân thiện với môi trường theo Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 17 tháng 3 năm 2022 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, tỷ lệ 1/2000.

- Chỉ được phép thu hút các dự án đầu tư thứ cấp sau khi đã hoàn thành việc xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án; thỏa thuận với các dự án đầu tư về việc đấu nối và xả nước thải vào trạm xử lý nước thải tập trung thông qua hợp đồng trách nhiệm, thiết lập hệ thống kiểm soát các nguồn nước thải đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp.

- Vận hành hệ thống xử lý nước cấp đạt quy chuẩn, quy định hiện hành về nước sử dụng cho mục đích sinh hoạt, nước ăn uống; thực hiện các quy định hiện hành của pháp luật về khai thác tài nguyên nước.

- Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường như đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

- Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an ninh trật tự đối với đội ngũ cán bộ và công nhân viên tham gia thi công xây dựng, vận hành Dự án; đảm bảo an toàn giao thông và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu rủi ro đến môi trường.

- Lắp đặt, vận hành hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải có camera theo dõi, được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ, tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng và truyền dữ liệu trực tiếp về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh theo quy định.



- Xây dựng, vận hành hệ thống hồ ứng phó sự cố nước thải có khả năng quay vòng xử lý lại nước thải, đảm bảo không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố của trạm xử lý nước thải.

- Tuân thủ các quy định về an toàn hóa chất, vệ sinh công nghiệp và phòng chống sự cố trong giai đoạn thực hiện Dự án theo đúng các quy định của pháp luật; tiến hành trồng cây xanh trong khuôn viên Dự án đảm bảo diện tích đất được trồng cây xanh theo đúng quy chuẩn về xây dựng./.